

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu lên theo triều, khu vực nội đồng mức nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước lên chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước lên chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 10-55cm, ở mức thấp hơn TBNN từ 35-65cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước lên nhanh theo triều, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-40cm, ở mức thấp hơn TBNN từ 5-40cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-50cm, xấp xỉ và thấp hơn từ 05-15cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mức nước cao nhất và thấp nhất cao hơn từ 135-140cm so với cùng kỳ năm 2024, xấp xỉ và thấp hơn TBNN 5cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô, mức nước xuống chậm theo triều biển Tây. Mức nước cao nhất ngày 18/09 đạt 93cm (cao hơn BĐII 3cm), ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 35-40cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các sông, kênh có xu thế lên chậm trong 1-2 ngày đầu, sau lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên chậm trong 1-2 ngày đầu, sau lên nhanh trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch tiếp tục lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, dao động theo triều biển Tây với xu thế xuống chậm trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 20/9/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 18/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	275	54	-65	309	28	-46	311	315	322	330	339	273	278	284	291	300
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	171	38	-31	249	4	8	251	255	262	270	279	169	174	180	187	196
Hậu	Khánh An	420	470	520	414	52	-1	416	42	1	417	418	419	420	421	413	414	415	416	417
	Châu Đốc	300	350	400	234	43	-58	276	10	-34	277	281	288	296	305	232	237	243	250	259
	Long Xuyên	190	220	250	120	26	-6	222	-14	24	223	227	234	242	251	118	123	129	136	145
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	184	37	-39	250	0	-7	252	257	264	272	281	182	187	193	200	209
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	268	138	0	274	139	-6	273	274	275	276	277	267	268	269	270	271
	Vĩnh Gia	200	240	280	118	58	-26	120	57	-40	123	126	128	130	131	121	124	126	128	129
	Vĩnh Điều	170	200	230	99	47	11	105	48	4	108	111	113	115	116	102	105	107	109	110
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	94	32	4	97	33	-1	100	103	105	107	108	97	100	102	104	105
T5	Nông Trường	160	190	220	106	39	9	107	38	3	110	113	115	117	118	109	112	114	116	117
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	161	51	-23	162	47	-26	165	168	170	172	173	164	167	169	171	172
	Cô Tô	140	180	220	144	35	4	145	33	2	148	151	153	155	156	147	150	152	154	155
	Nam Thái Sơn	90	120	150	96	23	-	97	21	-	100	103	105	107	108	99	102	104	106	107
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	114	47	-31	116	47	-38	119	122	124	126	127	117	120	122	124	125
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	145	29	-3	152	25	4	155	158	160	162	163	148	151	153	155	156
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	194	44	-5	207	31	-3	210	213	215	217	218	197	200	202	204	205
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	126	18	-22	148	18	-10	151	154	156	158	159	129	132	134	136	137
	Tân Thành	120	150	180	106	20	8	116	19	11	119	122	124	126	127	109	112	114	116	117
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	87	17	12	93	18	13	96	99	101	103	104	90	93	95	97	98
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	5	11	3	68	22	17	69	70	71	72	73	6	7	8	9	10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-13	3	-1	93	40	38	81	72	65	60	55	-12	-11	-10	-12	-14

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





